

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **42/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/11/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **16/2019/QĐXXST-HNGĐ** ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1989;

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện P, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 09 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Đăng K tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 06/4/2006. Từ khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu nhưng từ tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau, thường hay cãi vã lẫn nhau thậm chí xảy ra xô xát dẫn đến đời sống vợ chồng gặp nhiều bất hòa. Vì vậy, nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông K.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống bà T và ông K có ba con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2007; Nguyễn Đăng P, sinh năm 2008; Nguyễn Đăng K, sinh năm 2015. Khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Đăng K trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đăng K có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Hòa, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có văn bản trình bày ý kiến của ông K về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

- Tại biên bản xác minh ngày 28/10/2019, Đại diện thôn Phú Hòa, xã Phú Riềng cung cấp như sau: Ông Nguyễn Đăng K và bà Lê Thị Thanh T là vợ chồng hợp pháp từ năm 2006 và sinh sống với nhau tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống tại địa phương ông K, bà T thời gian đầu chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng ông K, bà T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cãi nhau có nhiều lần thậm chí ông K còn đánh đập bà T thôn xóm phải ra can ngăn và hòa giải.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Đăng K.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Đăng K theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Nguyễn Đăng K có nơi cư trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các tài liệu theo quy định nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] *Về nội dung*: Việc hôn nhân giữa bà T và ông K là tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2018 vợ chồng bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Đăng K phát sinh mâu thuẫn, trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh tình trạng hôn nhân của ông K và bà T tại địa phương cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà T. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phân tích, giải thích, động viên, khuyên nhủ bà T nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn ông K vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Chứng tỏ ông K đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án tiến hành việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông K.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Đăng K không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy việc yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh T là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

2/ Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 027260 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh